

Phụ lục 1. Dự thảo Thông tư quy định về quản lý, bảo trì công trình hàng không
(Kèm theo Tờ trình số 548/TTr-CHK ngày 28/01/2026)

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý, bảo trì công trình hàng không

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng; Nghị định 20/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 287/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về quản lý, bảo trì công trình hàng không.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về quản lý, bảo trì công trình hàng không.
2. Thông tư này áp dụng áp dụng cho các cơ quan, tổ chức có liên quan đến công tác quản lý, bảo trì công trình hàng không.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bảo trì công trình hàng không* là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình hàng không theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng.

2. *Bảo dưỡng công trình hàng không* là hoạt động (theo dõi, sửa chữa những hư hỏng nhỏ, duy tu thiết bị lắp đặt vào công trình) được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình hàng không ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình.

3. *Công trình hàng không* là công trình phục vụ cho hoạt động hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, bao gồm:

a) Công trình kết cấu hạ tầng cảng hàng không theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Công trình, hạ tầng kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay nằm ngoài phạm vi ranh giới cảng hàng không, sân bay;

c) Công trình cơ sở hạ tầng của các đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không nằm ngoài phạm vi ranh giới cảng hàng không, sân bay.

4. *Công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý* là tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý đang giao cho doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 287/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

5. *Công trình hàng không khác* là công trình hàng không được quy định tại Khoản 3 Điều này trừ công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý được quy định tại Khoản 4 Điều này.

6. *Công tác khác* là nội dung được xác định theo kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không bao gồm các nhiệm vụ: kiểm định công trình; lập, thẩm tra quy trình bảo trì; xây dựng, thẩm tra định mức kinh tế - kỹ thuật bảo trì công trình hàng không; mua sắm vật tư dự phòng, lưu giữ, bảo quản vật tư thu hồi từ công tác bảo trì công trình hàng không; tháo dỡ, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý; lập, cập nhật hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình hàng không; khảo sát, lập, thẩm tra dự án, dự toán bảo trì công trình hàng không; kiểm tra, giám sát công tác bảo trì công trình hàng không; một số nhiệm vụ phát sinh trong quá trình vận hành, khai thác công trình hàng không.

7. *Cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình hàng không* là tập hợp các thông tin về công trình và lịch sử bảo trì công trình được cập nhật, khai thác sử dụng trên hệ thống thông tin quản lý công trình hàng không.

8. *Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng* là doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 287/2025/NĐ-CP.

9. *Kiểm tra công trình hàng không* là việc xem xét bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dùng để đánh giá hiện trạng công trình hàng không nhằm phát hiện các dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình để có biện pháp xử lý kịp thời. Công tác kiểm tra công trình hàng không bao gồm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất.

10. *Kiểm định chất lượng công trình hàng không* là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, giá trị, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của một bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình hoặc công trình hàng không thông qua quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích.

11. *Người quản lý sử dụng công trình hàng không* là chủ sở hữu công trình trong trường hợp chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu ủy quyền, giao quản lý, sử dụng và khai thác trong trường hợp chủ sở hữu không trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác hoặc là người quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật có liên quan trừ Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng được quy định tại Khoản 8 Điều này.

12. *Quan trắc công trình hàng không* là hoạt động theo dõi, đo đạc, ghi nhận sự biến đổi về hình học, biến dạng, chuyển dịch và các thông số kỹ thuật khác của công trình và môi trường xung quanh theo thời gian.

13. *Quy trình bảo trì công trình hàng không* là tài liệu quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình hàng không.

14. *Sửa chữa công trình hàng không* là việc khắc phục, khôi phục, cải tạo hoặc thay thế những hư hỏng của bộ phận công trình, thiết bị, cấu kiện công trình hay toàn bộ công trình được phát hiện trong quá trình khai thác, sử dụng nhằm đảm bảo sự làm việc bình thường, an toàn của công trình và an toàn hàng không. Sửa chữa công trình hàng không bao gồm sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất:

a) *Sửa chữa định kỳ công trình hàng không* là sửa chữa hư hỏng hoặc cải tạo, thay thế hoặc bổ sung bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình bị hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy trình bảo trì công trình hàng không và kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không được duyệt;

b) *Sửa chữa đột xuất công trình hàng không* là sửa chữa, khắc phục hư hỏng của công trình hoặc thay thế hoặc bổ sung bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình do chịu tác động đột xuất của bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy, sự cố tàu bay, phương tiện hoạt động trên khu bay và những tác động đột xuất khác hoặc khi công trình, bộ phận công trình có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình hoặc sửa chữa trong tình huống khẩn cấp, cấp bách (sự cố kỹ thuật bất thường liên quan đến kết cấu hạ tầng hàng không) nhằm xử lý, khắc phục ngay để đảm bảo an ninh, an toàn hàng không liên tục, thông suốt.

15. *Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình hàng không (tuổi thọ thiết kế)* là khoảng thời gian công trình được dự kiến sử dụng, bảo đảm yêu cầu về an toàn và công năng sử dụng. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình hàng không được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình.

16. *Thời hạn sử dụng thực tế của công trình hàng không (tuổi thọ thực tế)* là khoảng thời gian công trình được sử dụng thực tế kể từ khi đưa vào khai thác, bảo đảm các yêu cầu về an toàn và công năng sử dụng.

Chương II

QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG

Điều 3. Nội dung quản lý công trình hàng không

1. Lập, phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không; quản lý nguồn tài chính cho công tác bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý.

2. Thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không.

3. Tổ chức phòng chống thiên tai và xử lý các sự cố bất thường liên quan đến công trình.

4. Kiểm tra tình trạng kỹ thuật định kỳ, đột xuất sau thiên tai hoặc các tác động bất thường khác nhằm phát hiện kịp thời những hư hỏng và các vi phạm về bảo vệ an toàn công trình, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

5. Quản lý, theo dõi và tổ chức xử lý các vị trí công trình xung yếu, có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn trong quá trình sử dụng.

6. Tổ chức lập hồ sơ, cập nhật cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình hàng không.

7. Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

Điều 4. Nội dung bảo trì công trình hàng không

Nội dung bảo trì công trình hàng không được lập thành kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không, bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau:

1. Kiểm tra công trình hàng không

a) Việc kiểm tra công trình hàng không có thể bằng trực quan, bằng các số liệu quan trắc thường xuyên (nếu có) hoặc bằng thiết bị kiểm tra chuyên dụng;

b) Kiểm tra công trình hàng không bao gồm kiểm tra theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì được duyệt; kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm đảm bảo an toàn cho việc khai thác sử dụng, kịp thời phát hiện các dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc bảo dưỡng công trình.

2. Bảo dưỡng công trình hàng không bao gồm các công việc được thực hiện theo tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng công trình hàng không và quy trình bảo trì.

3. Sửa chữa công trình hàng không bao gồm sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất được xác định theo thiết kế xây dựng hoặc phương án kỹ thuật và thực hiện

theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

4. Kiểm định chất lượng công trình hàng không phục vụ công tác bảo trì được thực hiện theo khoản 5 Điều 33 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

5. Quan trắc công trình hàng không theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này.

6. Đánh giá an toàn công trình hàng không theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này.

7. Bổ sung, thay thế hạng mục, thiết bị để việc khai thác sử dụng công trình hàng không đảm bảo an toàn nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình hàng không, công trình kết cấu hạ tầng hàng không;

8. Các công việc khác.

Điều 5. Yêu cầu đối với công tác quản lý, bảo trì công trình hàng không

1. Công trình hàng không sau khi đưa vào khai thác sử dụng phải được quản lý, khai thác và bảo trì theo quy định. Thời gian thực hiện quản lý và bảo trì được tính từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng.

2. Bảo trì công trình hàng không phải thực hiện theo kế hoạch quản lý, bảo trì hàng năm và quy trình bảo trì được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện bảo trì theo quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Việc bảo trì công trình hàng không phải được thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về quản lý, bảo trì công trình hàng không và quy trình bảo trì công trình tương ứng đối với loại công trình đó được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Việc quản lý, khai thác, bảo trì công trình hàng không phải đảm bảo duy trì tuổi thọ công trình, đảm bảo an toàn khai thác, an ninh, an toàn hàng không; an toàn cho người và tài sản, an toàn công trình, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

Điều 6. Trình tự thực hiện bảo trì công trình hàng không

Trình tự thực hiện bảo trì công trình hàng không theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 7. Quy trình bảo trì công trình hàng không

1. Trách nhiệm lập quy trình bảo trì công trình hàng không

a) Đối với các công trình hàng không đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, trách nhiệm lập quy trình bảo trì tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Đối với công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý nhưng chưa có quy trình bảo trì, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức lập, trình Bộ Xây dựng phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh quy trình bảo trì. Trường hợp cần thiết có thể tổ chức kiểm định chất lượng công trình làm cơ sở để lập quy trình bảo trì công trình. Trong quy trình bảo trì phải xác định rõ thời gian sử dụng còn lại của công trình, các bộ phận, hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình, trường hợp không xác định được thời gian sử dụng còn lại thì phải được tổ chức có đủ năng lực xác nhận còn đủ điều kiện khai thác, sử dụng;

c) Đối với các công trình hàng không khác đang sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, người quản lý sử dụng công trình hàng không có trách nhiệm tổ chức lập quy trình bảo trì công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

d) Đối với công trình hàng không cấp III trở xuống, việc thực hiện lập quy trình bảo trì theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định 06/2021/NĐ-CP;

đ) Trường hợp có tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì hoặc có quy trình bảo trì của công trình tương tự phù hợp, người quản lý sử dụng công trình hàng không hoặc doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có thể áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình đó cho công trình mà không cần lập quy trình riêng.

2. Phê duyệt quy trình bảo trì công trình hàng không

a) Chủ đầu tư phê duyệt quy trình bảo trì đối với các công trình hàng không đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Bộ Xây dựng phê duyệt quy trình bảo trì đối với công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý nhưng chưa có quy trình bảo trì;

c) Người quản lý sử dụng công trình hàng không phê duyệt quy trình bảo trì đối với các công trình hàng không khác đang sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

d) Tổ chức có trách nhiệm phê duyệt quy trình bảo trì có thể thuê tư vấn thẩm tra một phần hoặc toàn bộ quy trình bảo trì công trình trước khi phê duyệt. Kinh phí thuê tư vấn thẩm tra thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Điều 8. Tài liệu phục vụ quản lý, bảo trì công trình hàng không

1. Tài liệu phục vụ quản lý, bảo trì công trình hàng không khác.

a) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

b) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng công trình;

c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư xác nhận (có danh mục bản vẽ kèm theo) và các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công;

d) Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo);

đ) Các kết quả quan trắc, kiểm định chất lượng công trình, thử nghiệm khả năng chịu lực kết cấu công trình (nếu có) trong quá trình thi công, danh mục các thiết bị, phụ tùng, vật tư dự trữ thay thế và các tài liệu khác có liên quan;

e) Hồ sơ quản lý chất lượng của thiết bị lắp đặt vào công trình;

g) Quy trình vận hành, khai thác công trình (nếu có); quy trình bảo trì công trình; tài liệu khai thác công trình hoặc tài liệu khai thác sân bay (nếu có);

h) Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có);

i) Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng của chủ đầu tư. Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có);

k) Thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có);

l) Sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật công trình hoặc các tài liệu khác có đủ thông tin về tình trạng kỹ thuật công trình theo hướng dẫn tại mẫu Sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật công trình được quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

2. Tài liệu phục vụ quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý

a) Các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Quyết định bàn giao tài sản (nếu có) và hồ sơ bàn giao tài sản, quản lý theo quy định.

Điều 9. Theo dõi, cập nhật tình trạng hư hỏng, xuống cấp công trình hàng không

Trách nhiệm của người quản lý sử dụng công trình hàng không, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng trong quá trình khai thác công trình hàng không:

1. Kiểm tra công trình hàng không thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm đảm bảo an toàn cho việc khai thác sử dụng, kịp thời phát hiện các dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc sửa chữa, bảo dưỡng và các công việc khác; đánh giá an toàn công trình theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Lập sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật công trình hàng không hoặc tài liệu khác có đủ thông tin về tình trạng kỹ thuật công trình theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này để theo dõi thường xuyên và cập nhật tình trạng chất lượng, tình hình hư hỏng các công trình hàng không thuộc phạm vi quản lý để xây dựng kế hoạch quản lý, bảo trì, báo cáo cấp có thẩm quyền và tổ chức sửa chữa, khắc phục hư hỏng để đảm bảo công trình hàng không được khai thác an toàn, đảm bảo giao thông hàng không thông suốt.

Điều 10. Đánh giá an toàn công trình hàng không

1. Trong quá trình khai thác, sử dụng, các công trình hàng không cấp đặc biệt và cấp I sau đây phải được tổ chức đánh giá định kỳ về an toàn công trình:

a) Nhà ga hành khách;

b) Đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay: xác định chỉ số phân cấp mặt đường, chỉ số trạng thái mặt đường, hệ số ma sát mặt đường và các công việc khác theo quy trình bảo trì;

c) Đài kiểm soát không lưu; trung tâm kiểm soát đường dài.

2. Trình tự thực hiện, nội dung đánh giá an toàn công trình hàng không thực hiện theo quy định tại Điều 36, 37 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá an toàn công trình hàng không thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm tổ chức đánh giá an toàn công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý trong quá trình khai thác, sử dụng; báo cáo Bộ Xây dựng kết quả đánh giá an toàn công trình.

Điều 11. Xử lý đối với công trình hàng không có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng

1. Người quản lý sử dụng công trình hàng không, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm: thường xuyên theo dõi, kiểm tra công trình hàng không để kịp thời phát hiện công trình, bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công

trình hư hỏng, xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng.

2. Khi phát hiện hạng mục công trình, công trình có dấu hiệu nguy hiểm không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng thì người quản lý sử dụng công trình hàng không, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tạm dừng khai thác, sử dụng công trình và có trách nhiệm thực hiện các công việc quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp không xử lý kịp thời, gây thiệt hại về người và tài sản thì người quản lý, sử dụng công trình hàng không hoặc doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm báo cáo Bộ Xây dựng xem xét, xử lý khi phát hiện có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng đối với hạng mục công trình, công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Điều 12. Quan trắc công trình hàng không

1. Công trình, bộ phận công trình hàng không bắt buộc quan trắc trong quá trình khai thác sử dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 33 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, bao gồm:

a) Công trình nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, khu kỹ thuật máy bay (hangar), kho hàng hóa cấp 1 trở lên, các công trình kết cấu nhịp lớn dạng khung khác cấp đặc biệt; Đài kiểm soát không lưu cấp 1 trở lên;

b) Đường cất hạ cánh;

c) Công trình, bộ phận công trình hàng không có dấu hiệu lún, nứt, nghiêng và các dấu hiệu bất thường khác có khả năng gây sập đổ, mất an toàn trong quá trình khai thác sử dụng công trình;

d) Theo yêu cầu của chủ đầu tư, người quản lý sử dụng công trình hàng không, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng.

2. Nội dung quan trắc đối với các công trình quy định tại khoản 1 Điều này được quy định trong quy trình bảo trì công trình hàng không bao gồm: các vị trí quan trắc, thông số quan trắc và giá trị giới hạn của các thông số này (biến dạng nghiêng, lún, nứt, chuyển vị, võng,...); thời gian quan trắc, số lượng chu kỳ quan trắc và các nội dung cần thiết khác.

3. Yêu cầu chung đối với công tác quan trắc công trình hàng không trong quá trình khai thác, sử dụng:

a) Nhà thầu quan trắc lập phương án quan trắc phù hợp với các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này; trong đó quy định về phương pháp đo, thiết bị đo, sơ đồ bố trí và cấu tạo các mốc quan trắc, tổ chức thực hiện, phương pháp xử lý số liệu đo và các nội dung cần thiết khác trình người quản lý, sử dụng công trình hàng không hoặc doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng phê duyệt;

b) Nhà thầu quan trắc phải thực hiện quan trắc theo phương án quan trắc được phê duyệt và báo cáo người có trách nhiệm bảo trì về kết quả quan trắc. Các số liệu quan trắc phải được so sánh, đánh giá với giá trị giới hạn do nhà thầu thiết kế xây dựng công trình quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng.

Trường hợp số liệu quan trắc quy định tại khoản 2 Điều này vượt giá trị giới hạn cho phép hoặc có dấu hiệu bất thường khác thì người có trách nhiệm bảo trì phải tổ chức đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác, sử dụng và có biện pháp xử lý kịp thời.

4. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm kiểm tra, đề xuất quan trắc công trình, bộ phận công trình trong quá trình khai thác, sử dụng để đưa vào kế hoạch quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Điều 13. Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn và định mức trong quản lý và bảo trì công trình hàng không

1. Công tác bảo trì công trình hàng không áp dụng theo các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Đối với các công việc chưa có tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì xác định theo đơn giá xây dựng công trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố hoặc xác định trên cơ sở giá thị trường hoặc theo giá tương tự ở các công trình đã thực hiện.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG

Điều 14. Lập, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý

1. Lập, phê duyệt, kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì:

a) Căn cứ vào tình trạng kỹ thuật của công trình; số theo dõi tình trạng kỹ thuật công trình hoặc tài liệu khác có đủ thông tin về tình trạng kỹ thuật công trình; Biên

bản xác nhận hiện trạng các hư hỏng công trình giữa cơ quan trực thuộc Nhà chức trách hàng không Việt Nam tại các cảng hàng không và doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng được lập theo biểu mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; quy trình bảo trì; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy chuẩn kỹ thuật; tiêu chuẩn có liên quan; mức độ ưu tiên theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng lập kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình cho năm kế hoạch nhằm đảm bảo an toàn công trình trong quá trình khai thác.

b) Kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình được xây dựng gồm các thông tin: tên nhiệm vụ, công trình, hạng mục công trình; đơn vị tính, khối lượng, kinh phí thực hiện; quy mô và giải pháp kỹ thuật sửa chữa, bảo trì; thời gian thực hiện; phương thức thực hiện và mức độ ưu tiên đối với các công trình sửa chữa định kỳ.

c) Nội dung kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Thông tư này.

d) Thành phần hồ sơ trình kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình gồm:

Biên bản xác nhận hiện trạng các hư hỏng công trình giữa cơ quan trực thuộc Nhà chức trách hàng không Việt Nam tại các cảng hàng không và doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng được lập theo biểu mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; thuyết minh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình, trong đó nêu tình trạng kỹ thuật của công trình, quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và chi phí thực hiện;

Kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình được lập theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

đ) Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức lập kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình của năm kế hoạch trình Cục Hàng không Việt Nam, đồng thời gửi Bộ Xây dựng trước ngày 15 tháng 5 của năm trước năm kế hoạch để thẩm định; Cục Hàng không Việt Nam hoàn thành báo cáo thẩm định trước ngày 30 tháng 5 của năm trước năm kế hoạch. Nội dung thẩm định bao gồm: kiểm tra danh mục bảo trì thuộc tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý; quy trình bảo trì được áp dụng; cơ sở xác định khối lượng và chi phí bảo trì; hình thức bảo trì; phương thức thực hiện; nguồn vốn thực hiện.

e) Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện trình Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không trước ngày 15 tháng 6 của năm trước năm kế hoạch.

g) Trên cơ sở kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình được phê duyệt, Bộ Xây dựng tổng hợp dự toán kinh phí quản lý, bảo trì vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hằng năm của Bộ Xây dựng, gửi Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 của năm trước năm kế hoạch.

2. Lập, phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình

a) Căn cứ kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì công trình được Bộ Xây dựng phê duyệt, việc lập, thẩm định, phê duyệt các công việc bảo trì được thực hiện như sau:

Đối với công trình sửa chữa có chi phí từ 500 triệu đồng trở lên, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án đầu tư xây dựng trình Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, phê duyệt trước ngày 20 tháng 11 của năm trước năm kế hoạch. Cục Hàng không Việt Nam quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật. Việc triển khai bảo trì công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan.

Đối với công trình sửa chữa có chi phí dưới 500 triệu đồng, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức lập, phê duyệt phương án kỹ thuật - dự toán trước ngày 20 tháng 11 của năm trước năm kế hoạch.

b) Trên cơ sở số thông báo của Bộ Xây dựng về dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động kinh tế hàng không và các quyết định phê duyệt công việc bảo trì, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng rà soát lập kế hoạch quản lý, bảo trì của năm kế hoạch phù hợp với nguồn kinh phí được bố trí và trình Cục Hàng không Việt Nam thẩm định trước ngày 10 tháng 12 của năm trước năm kế hoạch. Thành phần hồ sơ, nội dung kế hoạch quản lý, bảo trì công trình thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này; tờ trình kế hoạch quản lý, bảo trì công trình lập theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Cục Hàng không Việt Nam thực hiện thẩm định, gửi kết quả thẩm định về Bộ Xây dựng và doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

d) Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện trình Bộ Xây dựng phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

3. Điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình

a) Kế hoạch quản lý, bảo trì công trình được điều chỉnh trong quá trình thực hiện để phù hợp với tình trạng kỹ thuật thực tế của công trình.

b) Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng lập hồ sơ điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình trình Bộ Xây dựng, đồng thời gửi Cục Hàng không Việt Nam thẩm định trước ngày 01 tháng 10 hằng năm; Cục Hàng không Việt Nam hoàn thành báo cáo thẩm định trước ngày 10 tháng 10 hằng năm.

c) Thành phần hồ sơ, nội dung kế hoạch quản lý, bảo trì điều chỉnh thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này.

d) Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện trình Bộ Xây dựng phê duyệt điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình trước ngày 31 tháng 10 hằng năm.

Điều 15. Thực hiện kế hoạch, quản lý bảo trì công trình hàng không kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý

1. Căn cứ kế hoạch quản lý, bảo trì công trình và dự toán chi ngân sách nhà nước do Bộ Xây dựng giao, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức thực hiện bảo trì công trình.

2. Thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa công trình

a) Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa công trình theo tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng công trình hàng không, quy trình bảo trì và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

b) Đối với công việc bảo dưỡng thường xuyên do doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tự tổ chức thực hiện, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng lập biên bản nghiệm thu công bảo dưỡng theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thực hiện sửa chữa đột xuất

Trường hợp cần phải sửa chữa đột xuất thì doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng được ứng kinh phí từ nguồn thu khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại Điều 15 Nghị định số 287/2025/NĐ-CP hoặc nguồn kinh phí của doanh nghiệp để thực hiện theo trình tự như sau:

a) Phối hợp với Cơ quan trực thuộc Nhà chức trách hàng không Việt Nam tại cảng hàng không để xác nhận hiện trạng;

b) Quyết định biện pháp và tổ chức xử lý để bảo đảm an toàn, an ninh;

c) Đồng thời, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng phải báo cáo Cục Hàng không Việt Nam và lập đề nghị giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước gửi Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Xây dựng.

d) Sau khi được cấp thẩm quyền giao dự toán, Bộ Xây dựng thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách cho doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng để hoàn trả khoản ứng đã chi xử lý tình huống khẩn cấp, cấp bách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Trong quá trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi từ việc bảo trì tài sản thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định số 287/2025/NĐ-CP.

Điều 16. Lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không khác

1. Nội dung kế hoạch quản lý, bảo trì công trình bao gồm các thông tin cơ bản sau: tên công trình hàng không, danh mục, hạng mục công trình, công việc thực hiện; đơn vị; khối lượng chủ yếu; kinh phí thực hiện; quy mô và giải pháp kỹ thuật sửa chữa, bảo trì; thời gian thực hiện; phương thức thực hiện; mức độ ưu tiên. Nội dung kế hoạch quản lý, bảo trì công trình được lập theo mẫu Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Các công việc được ưu tiên thực hiện trong kế hoạch quản lý, bảo trì công trình gồm:

a) Công việc ưu tiên gồm: bảo dưỡng; khối lượng của dự án chuyển tiếp từ năm trước sang năm sau; xử lý, khắc phục sự cố công trình; sửa chữa, bổ sung các công trình đảm bảo an toàn hàng không; sửa chữa định kỳ công trình đã khai thác quá thời hạn thiết kế để khôi phục các chỉ tiêu kỹ thuật (mức độ rạn nứt, chỉ số nhám) theo tiêu chuẩn thiết kế; xây dựng tiêu chuẩn và định mức về quản lý, bảo trì; xác định chỉ số phân cấp mặt đường, chỉ số trạng thái mặt đường, hệ số ma sát mặt đường bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng và các công việc cần thiết khác được xác định trong kế hoạch quản lý, bảo trì;

b) Khi xây dựng kế hoạch quản lý bảo trì phải lựa chọn công việc ưu tiên để bố trí vốn thực hiện.

3. Người quản lý sử dụng công trình hàng không lập kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng năm trên cơ sở quy trình bảo trì được phê duyệt và hiện trạng công trình.

4. Căn cứ kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng năm được phê duyệt, người quản lý sử dụng công trình hàng không tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình theo quy định quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng bảo trì công trình hàng không.

Điều 17. Quản lý chất lượng công việc bảo trì công trình hàng không

1. Người quản lý sử dụng công trình hàng không, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý chất lượng công việc bảo trì công trình theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Quản lý chất lượng công tác bảo trì đối với công trình hàng không đầu tư theo hình thức đối tác công tư thực hiện theo khoản 1 Điều này và các quy định sau:

a) Việc phân định trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết thực hiện hợp đồng dự án theo hình thức đối tác công tư và doanh nghiệp dự án đối với công tác quản lý chất lượng bảo trì thực hiện theo quy định tại Thông tư này, quy định tại hợp đồng dự án;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án đối tác công tư tổ chức kiểm tra doanh nghiệp dự án trong việc thực hiện công tác bảo trì để đảm bảo chất lượng theo quy định của pháp luật; nếu phát hiện vi phạm chất lượng, vi phạm tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì công trình đã được duyệt thì xử lý theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định trong hợp đồng dự án.

3. Thời hạn bảo hành công tác sửa chữa công trình hàng không theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

4. Trường hợp công trình hàng không có yêu cầu về quan trắc hoặc phải kiểm định chất lượng thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các quy định tại Thông tư này.

Điều 18. Báo cáo việc thực hiện quản lý, bảo trì công trình hàng không

1. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng báo cáo Cục Hàng không Việt Nam và Bộ Xây dựng kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý định kỳ như sau:

- a) Tên báo cáo: Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện công tác, bảo trì công trình;
- b) Nội dung báo cáo phải thể hiện đầy đủ các nội dung sau: nhiệm vụ thực hiện; khối lượng, kinh phí được Bộ Xây dựng phê duyệt hoặc điều chỉnh trong kế hoạch quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không; chất lượng thực hiện, khối lượng hoàn thành, giá trị đã giải ngân; đề xuất, kiến nghị (nếu có);
- c) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Xây dựng;
- d) Phương thức gửi, nhận báo cáo: văn bản giấy và qua trực liên thông hệ thống quản lý văn bản giữa Bộ Xây dựng, Cục Hàng không Việt Nam và doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng;
- đ) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 15 tháng 7 hằng năm đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm; trước ngày 15 tháng 02 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm;
- e) Tần suất thực hiện báo cáo: 02 lần trong năm;
- g) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm; từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với báo cáo năm;
- h) Biểu mẫu báo cáo theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Người quản lý sử dụng công trình hàng không báo cáo Cục Hàng không Việt Nam kết quả thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không khác định kỳ như sau:

- a) Tên báo cáo: Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không;
- b) Nội dung báo cáo: nhiệm vụ thực hiện; khối lượng, kinh phí; chất lượng thực hiện; đề xuất, kiến nghị (nếu có);
- c) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Hàng không Việt Nam;
- d) Phương thức gửi, nhận báo cáo: văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;
- đ) Tần suất thực hiện báo cáo: định kỳ hàng năm;
- e) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 15 tháng 02 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm;

g) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12;

h) Biểu mẫu báo cáo theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cục Hàng không Việt Nam tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không về Bộ Xây dựng định kỳ hàng năm hoặc báo cáo đột xuất khi Bộ Xây dựng yêu cầu, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không;

b) Nội dung báo cáo: các nội dung liên quan đến tình hình thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần suất báo cáo: định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 25 tháng 02 của năm tiếp theo đối với báo cáo định kỳ hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ hàng năm;

g) Mẫu đề cương báo cáo: theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư.

Điều 19. Quy định về xử lý công trình hàng không hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp

1. Người quản lý sử dụng công trình hàng không, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng xác định thời hạn sử dụng của công trình hàng không theo hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình.

Trường hợp hồ sơ thiết kế của công trình hàng không bị mất hoặc không quy định tuổi thọ thì người có trách nhiệm bảo trì công trình tổ chức thực hiện việc xác định tuổi thọ thiết kế của công trình theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với công trình hoặc căn cứ theo tuổi thọ đã được xác định của công trình tương tự cùng loại và cấp.

2. Việc xử lý công trình hàng không hết thời hạn sử dụng theo thiết kế thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thực hiện xử lý công trình kết cấu hạ tầng hàng không hết thời hạn sử dụng theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; báo cáo Bộ Xây dựng xem xét và cho ý kiến trong trường hợp kéo dài thời hạn sử dụng công trình.

Điều 20. Trách nhiệm quản lý và bảo trì công trình hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam

a) Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không không theo quy định;

b) Tổ chức kiểm tra trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý sử dụng công trình hàng không, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng trong quản lý, bảo trì công trình hàng không theo quy định của Thông tư này;

c) Thực hiện các chức năng của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng đối với các dự án bảo trì công trình hàng không.

2. Cục, Vụ thuộc Bộ Xây dựng

Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, thực hiện tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Xây dựng trong việc quản lý nhà nước về quản lý, bảo trì công trình hàng không và công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý.

3. Cơ quan trực thuộc Nhà chức trách hàng không Việt Nam tại các cảng hàng không

a) Phối hợp doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng lập Biên bản xác nhận hiện trạng các hư hỏng công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý.

b) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn được Cục Hàng không Việt Nam giao hoặc ủy quyền liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát công tác bảo trì công trình hàng không;

c) Chịu trách nhiệm giám sát để công tác bảo trì trong quá trình thi công được thực hiện theo đúng phương án đảm bảo an ninh, an toàn được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

4. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng

a) Tổ chức thực hiện quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý theo quy định;

b) Thực hiện tổ chức công tác bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không, chịu trách nhiệm toàn diện về khối lượng và chất lượng bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng

không do Nhà nước đầu tư, quản lý, đảm bảo an ninh, an toàn hàng không liên tục, thông suốt theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức kiểm tra, theo dõi định kỳ chất lượng công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý trong quá trình khai thác, sử dụng; thực hiện sửa chữa những hư hỏng để duy trì trạng thái kỹ thuật ổn định của công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý, bảo đảm an toàn công trình, an toàn hàng không;

d) Chịu trách nhiệm về sự cố hoặc xuống cấp của công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý do không thực hiện bảo trì công trình theo quy định;

đ) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện trách nhiệm của mình về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý;

e) Báo cáo kê khai, thực hiện nhập dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình hàng không theo quy định.

5. Người quản lý sử dụng công trình hàng không:

a) Tổ chức quản lý, khai thác và bảo trì công trình do mình quản lý, bảo đảm an toàn khai thác và hoạt động vận tải hàng không thông suốt theo quy định;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự cố hoặc xuống cấp của công trình do không thực hiện bảo trì công trình theo quy định;

c) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện trách nhiệm của mình về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình hàng không;

d) Báo cáo kê khai, thực hiện nhập dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình hàng không theo quy định.

6. Đối với công trình hàng không đầu tư theo hình thức đối tác công tư, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chịu trách nhiệm bảo trì công trình trong thời gian khai thác, sử dụng theo hợp đồng dự án. Hết thời hạn vận hành, khai thác theo dự án hoặc khi doanh nghiệp dự án bị yêu cầu dừng khai thác công trình khi chưa hết thời hạn vận hành, khai thác, người được giao tiếp nhận quản lý, sử dụng và khai thác công trình hàng không từ nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án có trách nhiệm tiếp tục bảo trì công trình.

7. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng có thời hạn, thuê quyền khai thác, kinh doanh kết cấu hạ tầng hàng không chịu trách nhiệm quản lý kết cấu hạ tầng

hàng không và bảo trì công trình hàng không theo hợp đồng; chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự cố hay xuống cấp của công trình do không thực hiện bảo trì công trình theo quy định.

8. Chủ sở hữu khi cho tổ chức, cá nhân thuê hoặc giao quản lý, sử dụng công trình hàng không phải có nội dung thỏa thuận về trách nhiệm bảo trì công trình hàng không trong hợp đồng cho thuê, giao quản lý, khai thác, sử dụng.

Chương IV

CHI PHÍ QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG

Điều 21. Nguồn kinh phí, nội dung chi phí quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý

1. Kinh phí dành cho công tác quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng, hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách nhà nước;
- b) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí dành cho công tác quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Nội dung các khoản mục chi phí phục vụ hoạt động bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý bao gồm:

- a) Chi phí lập, thẩm tra quy trình bảo trì và định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ công tác bảo trì công trình;
- b) Chi phí kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, đánh giá an toàn, sửa chữa, bảo dưỡng công trình và quản lý, giám sát công tác bảo dưỡng công trình;
- c) Chi phí lập, cập nhật hồ sơ quản lý công trình; chi phí cập nhật cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình;
- d) Chi phí kiểm tra hiện trạng công trình phục vụ công tác lập kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì; kiểm tra việc thực hiện công tác bảo trì kế hoạch quản lý, bảo trì của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- đ) Chi phí lập kế hoạch nhu cầu quản lý, bảo trì và lập kế hoạch quản lý, bảo trì;
- e) Chi phí khác để thực hiện quá trình bảo trì công trình theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

4. Việc xác định chi phí thực hiện quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý được thực hiện như sau:

a) Đối với sửa chữa công trình, chi phí thực hiện được xác định theo từng công trình, dự án theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

b) Đối với bảo dưỡng công trình, chi phí thực hiện được xác định bằng dự toán trên cơ sở nội dung và khối lượng công việc thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 22. Chi phí quản lý, bảo trì công trình hàng không khác

1. Người quản lý sử dụng công trình hàng không có trách nhiệm bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện bảo trì công trình.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì công trình thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng nguồn vốn sử dụng thực hiện bảo trì.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với công tác quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý

a) Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng, các cơ quan và đơn vị có liên quan tiếp tục thực hiện công tác bảo trì theo kế hoạch bảo trì đã được Bộ Xây dựng phê duyệt đến hết ngày 31/12/2026;

b) Khi hết thời hạn thực hiện kế hoạch bảo trì theo quy định tại điểm a Khoản này, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng, các cơ quan và đơn vị có liên quan thực hiện công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý theo quy định tại Thông tư này;

c) Đối với công tác Lập, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý cho năm 2027 được quy định tại Điều 14 của Thông tư này kể từ ngày thông tư có hiệu lực.

2. Đối với công tác quản lý, bảo trì công trình hàng không khác

Công tác bảo trì thuộc kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng không khác đã được phê duyệt thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2021/TT-BGTVT ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm 2026.
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 24/2021/TT-BGTVT ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng không.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được sử dụng làm căn cứ pháp lý, nội dung tham chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật khác thì sẽ sử dụng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế làm căn cứ pháp lý, nội dung tham chiếu cho Thông tư này.

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Xây dựng để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản Quản lý xử lý VPHC (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Xây dựng;
- Báo Xây dựng, Tạp chí Xây dựng;
- Lưu: VT, Cục HKVN.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Minh

Phụ lục I

MẪU SỔ THEO DÕI TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG⁽¹⁾

*(Kèm theo Thông tư số:/2026/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

1. Mẫu bìa sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật công trình hàng không

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> SỔ THEO DÕI TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG Quyển số: Đơn vị quản lý, khai thác công trình hàng không..... Tên công trình: Thời gian bắt đầu:/...../..... Hết quyển ngày:/...../..... , năm 20
--

(1) Mẫu này được thực hiện theo hình thức tài liệu giấy hoặc tài liệu điện tử. Trường hợp Người quản lý sử dụng công trình hàng không có hệ thống quản lý tài sản có đầy đủ các thông tin cơ bản theo mẫu này thì không phải lập Sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật công trình hàng không.

2. Nội dung ghi sổ theo dõi, kiểm tra trạng thái kỹ thuật công trình hàng không

Phần I. Mục đích, yêu cầu

1. Theo dõi, kiểm tra trạng thái kỹ thuật công trình nhằm mục đích phát hiện kịp thời những hư hỏng, vi phạm hoặc sự cố xảy ra để nhanh chóng khắc phục, tránh những hậu quả xấu làm thiệt hại đến công trình và làm mất an ninh, an toàn cho các hoạt động khai thác vận tải hàng không. Sổ theo dõi, kiểm tra trạng thái kỹ thuật công trình hàng không là tài liệu phục vụ công tác quản lý, bảo trì công trình hàng không và được ghi chép đầy đủ và lưu trữ tại đơn vị quản lý, khai thác công trình.

2. Cá nhân có trách nhiệm phải ghi chép, phản ánh đầy đủ mọi tình trạng, sự cố xảy ra đối với công trình theo nhiệm vụ được giao, ghi ý kiến nếu có và ký tên dưới ý kiến đề xuất, báo cáo.

3. Lãnh đạo bộ phận được giao nhiệm vụ kiểm tra, theo dõi trạng thái kỹ thuật công trình kiểm tra nội dung ghi chép trong sổ vào cuối ngày của đợt kiểm tra và ghi ý kiến xử lý, đồng thời ký tên dưới ý kiến xử lý và báo cáo cấp có thẩm quyền trong trường hợp vượt thẩm quyền xử lý.

4. Sổ theo dõi, kiểm tra trạng thái kỹ thuật công trình hàng không được xuất trình khi có yêu cầu cho cá nhân, tổ chức có chức năng kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

5. Nội dung ghi chép trong Sổ này là một trong các căn cứ để đánh giá chất lượng công tác bảo trì công trình hàng không.

6. Các nội dung khác theo nhu cầu quản lý của người quản lý, khai thác công trình hàng không.

Phần II. Hướng dẫn nội dung ghi trong sổ theo dõi, kiểm tra trạng thái kỹ thuật công trình hàng không

Bao gồm các nội dung chính sau:

1. Nội dung ghi trong sổ theo dõi, kiểm tra gồm:

a) Người thực hiện theo dõi, kiểm tra

b) Thời gian theo dõi, kiểm tra;

c) Khu vực kiểm tra

d) Kết quả kiểm tra: Ghi kết quả theo dõi, kiểm tra về tình trạng của công trình, mô tả các điểm, dấu hiệu bất thường được phát hiện ra (như vị trí phát hiện điểm bất

thường, dấu hiệu phát hiện hư hỏng hoặc đã hư hỏng có phát triển và các trường hợp hư hỏng khác nếu có).

đ) Kết quả bảo trì: ghi kết quả đã được bảo trì bảo trì để khắc phục các điểm bất thường, dấu hiệu phát hiện hư hỏng hoặc đã hư hỏng có phát triển và các trường hợp hư hỏng khác nếu có.

e) Nội dung theo dõi, kiểm tra được lập theo mẫu sau:

Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra			Mô tả chi tiết các điểm, dấu hiệu bất thường	Hoàn thành việc bảo trì và khắc phục các điểm, dấu hiệu bất thường ⁽¹⁾
	Đạt	Không đạt	Không áp dụng		

2. Việc ghi chép phải thực hiện trong khi tiến hành kiểm tra.

3. Nội dung ghi chép phải mạch lạc, rõ ràng, tỉ mỉ, chính xác, nhân viên thực hiện kiểm tra phải ký tên ở phía dưới.

4. Người quản lý, khai thác công trình hàng không/Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng:

a) Tự quyết định số trang của Sổ theo dõi, kiểm tra và đóng dấu giáp lai và có thể bổ sung nội dung yêu cầu khác trong sổ này nếu có nhu cầu;

b) Kiểm tra quy trình bảo trì công trình để đảm bảo sự đồng bộ, tránh chồng chéo nội dung; trường hợp cần thiết, quy định bảng mẫu trên trong quy trình bảo trì công trình.

5. Trường hợp áp dụng sổ theo dõi, kiểm tra trạng thái kỹ thuật công trình dạng điện tử, người quản lý, khai thác công trình có trách nhiệm ban hành quy trình quản lý, sử dụng sổ điện tử.

Ghi chú:

(1) Mô tả thông tin và thời gian được bảo trì, hoàn thành khắc phục các điểm, dấu hiệu bất thường

Phụ lục II

BIÊN BẢN XÁC NHẬN HIỆN TRẠNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ

(Kèm theo Thông tư số:/2026/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN HIỆN TRẠNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ

Căn cứ Nghị định số 287/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không;

Căn cứ Thông tư số:/2026/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Hôm nay, vào hồi ... giờ ... phút, ngày... tháng... năm...., tại, chúng tôi xác nhận hiện trạng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý như sau:

A. THÀNH PHẦN

1. Đại diện Cơ quan trực thuộc Nhà chức trách hàng không Việt Nam tại các cảng hàng không⁽¹⁾:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng⁽²⁾:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

B. NỘI DUNG

1. Ghi nhận hiện trạng công trình/hạng mục công trình/thiết bị như sau:

TT	Tên công trình/hạng mục công trình/thiết bị	Tình trạng (3)	Ghi chú (4)
1			
2			
3			
4			
5			

2. Ý kiến khác của các bên tham gia (nếu có)

.....

ĐẠI DIỆN
CƠ QUAN TRỰC THUỘC NHÀ
CHỨC TRÁCH HÀNG KHÔNG
VIỆT NAM TẠI CẢNG HÀNG
KHÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN
DOANH NGHIỆP KINH DOANH,
KHAI THÁC CẢNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Ghi cụ thể tên Đại diện Cơ quan trực thuộc Nhà chức trách hàng không Việt Nam tại cảng hàng không.
- (2) Ghi cụ thể tên Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng.
- (3) Ghi tình trạng hư hỏng, xuống cấp của công trình/hạng mục công trình/thiết bị.
- (4) Nêu rõ các tài liệu, các nội dung cần chú ý hoặc kèm theo Biên bản như hình ảnh thực tế, các báo cáo hoặc phản ánh của người, tổ chức hoạt động tại cảng hàng không liên quan đến chất lượng công trình, thiết bị, làm ảnh hưởng đến an toàn bay.

Phụ lục III
MẪU TỜ TRÌNH
KẾ HOẠCH (NHU CẦU) QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH KẾT CẤU
HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG

(Kèm theo Thông tư số: .../2026/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TÊN ĐƠN VỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

TỜ TRÌNH
Về việc thẩm định, phê duyệt kế hoạch (nhu cầu) quản lý, bảo trì công trình
kết cấu hạ tầng hàng không năm ...(1)...

Kính gửi:

- Bộ Xây dựng;
- Cục Hàng không Việt Nam.

Thực hiện quy định về bảo trì công trình hàng không, ...(2)... trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý năm ...(1)... như sau:

1. Căn cứ

...(3)...

2. Kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì năm trước

...(4)...

3. Cơ cấu bố trí kinh phí kế hoạch

...(5)...

4. Nội dung kế hoạch

...(6)...

5. Đề xuất, kiến nghị

...(7)...

Nơi nhận:

....

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú

(1) Ghi năm kế hoạch.

(2) Ghi tên doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng trình kế hoạch bảo trì.

(3) Ghi đầy đủ các căn cứ làm cơ sở để xây dựng kế hoạch bảo trì bao gồm: các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng; các văn bản chỉ đạo, điều hành trong quá trình thực hiện bảo trì có liên quan.

(4) Tóm tắt kết quả thực hiện đối với các nội dung đã và đang thực hiện kế hoạch bảo trì của năm trước.

(5) Thuyết minh mục tiêu hướng tới và nguyên tắc cơ cấu bố trí kinh phí trong kế hoạch để bảo đảm phù hợp với tình trạng kỹ thuật của công trình kết cấu hạ tầng hàng không; quá trình điều tra, xác nhận khối lượng nhu cầu bảo trì.

(6) Thuyết minh làm rõ từng nội dung trong kế hoạch bảo trì gồm: bảo dưỡng công trình kết cấu hạ tầng hàng không; sửa chữa công trình kết cấu hạ tầng hàng không; công tác khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai đã thực hiện; kiểm định, quan trắc và công tác khác (nếu có); quản lý, giám sát thực hiện bảo dưỡng công trình kết cấu hạ tầng hàng không; các nhiệm vụ xử lý khẩn cấp sự cố công trình; khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai cho năm tiếp theo; quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng kết cấu hạ tầng hàng không.

(7) Nêu rõ đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng. (Tài liệu gửi kèm theo tờ trình theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 15 Thông tư này).

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH (NHU CẦU) QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG

(Kèm theo Thông tư số:/2026/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

KẾ HOẠCH (NHU CẦU) QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG NĂM ...

(Ban hành kèm theo Văn bản/Quyết định số ... ngày ... của...)

TT	Tên công trình, hạng mục công trình/ hạng mục công việc thực hiện	Đơn vị tính	Khối lượng/công việc chủ yếu	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Quy mô, giải pháp sửa chữa, bảo trì	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	TỔNG SỐ								
A	Bảo dưỡng thường xuyên								
B	Sửa chữa định kỳ								
I	Công trình chuyển tiếp								
II	Công trình mới								
C	Sửa chữa đột xuất								
D	Công tác khác								
	CHI TIẾT								
A	Bảo dưỡng thường xuyên								
	Tên công trình, hạng mục công trình								
B	Sửa chữa định kỳ								
I	Công trình chuyển tiếp								
	Tên công trình, hạng mục công trình								
II	Công trình mới								

	Tên công trình, hạng mục công trình								
C	Sửa chữa đột xuất,								
	Trả nợ công tác sửa chữa đột xuất (xử lý khẩn cấp, cấp bách cần phải xử lý, khắc phục ngay để đảm bảo an ninh, an toàn hàng không liên tục, thông suốt) đã thực hiện								
	Dự phòng công tác sửa chữa đột xuất (xử lý khẩn cấp, cấp bách cần phải xử lý, khắc phục ngay để đảm bảo an ninh, an toàn hàng không liên tục, thông suốt)								
D	Công tác khác								
1	Kiểm định chất lượng								
2	Quan trắc								
									
									

Diễn giải, thuyết minh:

Ghi chú:

Cột (5) Kinh phí thực hiện được xác định như sau:

a) Kinh phí bảo dưỡng thường xuyên: căn cứ khối lượng công việc cần bảo dưỡng thường xuyên; định mức công tác bảo dưỡng thường xuyên; suất chi phí bảo dưỡng thường xuyên; các quy định lập, quản lý chi phí xây dựng công trình và quy định lập, quản lý chi phí bảo trì của cơ quan thẩm quyền.

b) Kinh phí sửa chữa định kỳ: căn cứ khối lượng cần thực hiện dự kiến, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan thẩm quyền ban hành; quy định về lập, quản lý chi phí xây dựng của cơ quan có thẩm quyền; kinh phí đã bố trí lũy kế đến năm xây dựng kế hoạch đối

với công trình chuyển tiếp; hoặc ước tính theo suất đầu tư sửa chữa định kỳ các công trình tương tự để xác định.

c) Kinh phí sửa chữa đột xuất: căn cứ dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Kinh phí công tác khác: căn cứ khối lượng cần thực hiện phù hợp quy định hiện hành về nguồn vốn bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi do cơ quan thẩm quyền ban hành; quy định về lập, quản lý chi phí xây dựng của cơ quan thẩm quyền để xác định.

đ) Kinh phí hoàn trả chi phí đã ứng xử lý tình huống khẩn cấp, cấp bách chỉ áp dụng cho Kế hoạch (nhu cầu) quản lý, bảo trì đối với công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý để hoàn trả khoản ứng vượt quá chi phí sửa chữa đột xuất được giao đã chi để xử lý tình huống khẩn cấp, cấp bách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Cột (9) Phân loại mức độ ưu tiên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này.

Phụ lục V

MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG ⁽¹⁾

(Kèm theo Thông tư số:/2026/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG

Căn cứ Nghị định số 287/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không;

Căn cứ Thông tư số:/2026/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quy trình bảo trì/ Hướng dẫn sử dụng thiết bị.

Hôm nay, vào hồigiờ phút, ngày... tháng... năm...., tại, chúng tôi xác nhận nghiệm thu công tác bảo dưỡng thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý như sau:

A. THÀNH PHẦN

1. Đại diện đơn vị thực hiện công tác bảo dưỡng⁽¹⁾:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý được bảo dưỡng⁽²⁾:

Ông (Bà):Chức vụ:

Ông (Bà):Chức vụ:

B. NỘI DUNG

1. Hai bên xác nhận công tác bảo dưỡng thường các tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý chi tiết như sau:

TT	Tên công trình/hạng mục công trình/thiết bị được bảo dưỡng	Thời gian thực hiện bảo dưỡng	Nội dung bảo dưỡng	Vật tư hao phí để thực hiện công việc bảo dưỡng	Đánh giá chất lượng bảo dưỡng
1					
2					
3					
4					
5					

2. Ý kiến khác của các bên (nếu có)

.....

3. Biên bản nghiệm thu này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN

Đơn vị thực hiện công tác bảo dưỡng
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN

Đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý được bảo dưỡng
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng với công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý do nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tự thực hiện.

B	Sửa chữa định kỳ																			
1																				
C	Sửa chữa đột xuất																			
1																				
D	Công tác khác																			
1	Kiểm định chất lượng																			
2	Quan trắc																			
3	Dự phòng																			
																				
	Tổng cộng																			

Diễn giải, thuyết minh:

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Cột (5), (7) Chỉ áp dụng đối Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng.
Cột (11) Chỉ áp dụng đối với bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư quản lý được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình thi công.

Phụ lục VII

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG

(Kèm theo Thông tư số: .../2026/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG NĂM ...

(Ban hành kèm theo Văn bản số ... ngày ... của Cục Hàng không Việt Nam)

Kính gửi: Bộ Xây dựng

TT	Tên đơn vị	Số Quyết định phê duyệt Kế hoạch quản lý, bảo trì hoặc Văn bản báo cáo Kế hoạch quản lý, bảo trì năm ...	Kính phí theo kế hoạch (triệu đồng)					Tổng kính phí thực hiện (triệu đồng)	Tỷ lệ hoàn thành (%)
			Bảo dưỡng	Sửa chữa định kỳ	Sửa chữa đột xuất	Công tác khác	Tổng kính phí dự kiến thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Cột (9) Chỉ áp dụng cho báo cáo của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng.